TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST Ngày: 16/7/2018 *V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi Con, chia tài sản chung"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Cường.
2. Bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018, về : "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 91/15 đường Q, tổ 4, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị Uyên, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 91/15 đường Q, tổ 4, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2018 tại bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Trần Văn T bày:

Về hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Đinh Thị U sau một thời gian tìm hiểu rồi đi đến kết hôn năm 1999 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tây, sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tây cùng với gia đình nhà chồng, lúc mới lấy nhau đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng liên tục cãi vã nhau. Đến năm 2002 ông T vào Gia Lai trước sau đó đến tháng 5/2004 ông T đón vợ con vào Gia Lai sinh sống từ đó đến nay. Khi vào Gia Lai thì vợ chồng vẫn thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau có lúc ăn riêng cả năm. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào khoảng tháng 01/2018 bà Ughi ngờ ông T ngoại tình nên cùng với chồng của người nghi ngoại tình thuê giang hồ đánh ông T và vợ chồng đã ăn riêng từ đó đến nay. Ông T cho rằng nguyên nhân mâu

thuẫn vợ chồng do không hợp nhau cả về quan điểm, lối sống, tính cách và một phần cũng do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng đã mâu thuẫn kéo dài mà không cải thiện được. Nay ông T thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng nhau nên yêu cầu được ly hốn với bà U

Về con chung: Có 02 con chung, là cháu Trần Văn C, sinh ngày 18/9/2000 và cháu Trần Đức Lsinh ngày 21/9/2008. Bà U xin được nuôi 02 con thì ông T đồng ý.

Về cấp dưỡng: Cháu Trần Văn C còn 02 tháng là đủ 18 tháng tuổi, cháu khỏe mạnh bình thường và có khả năng lao động và hiện nay cháu đang làm nghề thạch cao nhưng không làm thường xuyên bà U không yêu cầu ông T cấp dưỡng đối với cháu C ông T đồng ý, còn đối với cháu L bà Uyêu cầu ông T cấp dưỡng 1.500.000 đ/ tháng ông T cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Khi khởi kiện xin ly hôn ông T có yêu cầu Tòa chia tài sản chung, nhưng nay ông T không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, mà để vợ chồng tự thỏa thuận.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đinh Thị U trình bày:

Về hôn nhân: Bà U đồng ý với lời khai của ông T về hoàn cảnh và điều kiện kết hôn cũng như vợ chồng có mâu thuẫn cãi vã với nhau, bà U còn khai rằng khi cãi vã nhau ông T thường xuyên đánh đập bà U và hiện nay vợ chồng ăn riêng như lời khai của ông T là đúng và bà cho rằng ông T ngoại tình nên mới xin ly hôn, còn vợ chồng mâu thuẫn là chuyện bình thường không đến mức phải ly hôn và vì thương con nên bà U không muốn ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung, cháu Trần Văn C, sinh ngày 18/9/2000 và cháu Trần Đức L, sinh ngày 21/9/2008. Bà U xin được nuôi 02 con.

Về cấp dưỡng: Cháu Trần Văn C còn 02 tháng là đủ 18 tháng tuổi, cháu khỏe mạnh bình thường và có khả năng lao động và hiện nay cháu đang làm nghề thạch cao nhưng không làm thường xuyên nên bà U không yêu cầu ông T cấp dưỡng đối với cháu C, đối với cháu L yêu cầu ông T cấp dưỡng 1.500.000 đ/ tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông T và bà U mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T. Xử cho ông Trần Văn T được ly hôn với bà Đinh Thị U; Giao cho 02 con chung là cháu C và cháu L cho bà U nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ; Ông Trần Văn T phải cấp dưỡng cho cháu L 1.500.000 đồng/ tháng; Nguyên đơn ông Trần Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Trần Văn T có đơn yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với bà Đinh Thị U có địa chỉ tại 91/15 đường Q, tổ 4, phường L, thành phố P, , tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[2] Về hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Đinh Thị U kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tây cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 10, ngày 24 tháng 7 năm 1999. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Tvới bà U là hợp pháp.

[3] Ông T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, cả về tính cách, lối sống dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không yêu thương, tôn trọng nhau nên mâu thuẫn đã kéo dài không thể cải thiện được và hiện nay bà U còn ghen tuông vô cớ cấu kết với người ngoài thuê giang hồ đánh ông T. Ông T thấy tình cảm vợ chồng không còn và không ai quan tâm đến ai nên xin được ly hôn với bà Un. Đốivới bà U có thừa nhận việc mâu thuẫn vợ chồng là có và ông T cũng thường xuyên đánh bà U và việc vợ chồng đã ăn riêng từ đầu năm 2018 đến nay là có thật, tuy nhiên bà U cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là bình thường chưa đến mức phải ly hôn và vì thương con nên không muốn ly hôn và vì ông T ngoại tình nên mới xin ly hôn nên bà U không đồng ý ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, mặt khác bà U không chứng minh được mình có thiện chí hàn gắn tình cảm, không chứng minh được bà vẫn còn thương yêu, quý trọng ông T, nên hiện nay tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, còn việc bà U cho rằng ông Trường ngoại tình việc này không được ông T thừa nhận và bà U cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông T ngoại tình nên không có cơ sở để Tòa xem xét.

Từ những lời khai, cùng với tài liệu chứng cứ khác đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà U là có thật, mâu thuẫn đã kéo dài và đã đến mức sâu sắc, vợ chồng không còn tôn trọng, chăm sóc nhau trong khoảng thời gian dài, họ không còn tình thương và niềm tin đối với nhau, thường xuyên xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của nhau.

Chính vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận rằng tình trạng hôn nhân của họ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu

cầu xin ly hôn của ông T để bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của cả hai bên đương sự.

[4] Về con chung: Có 02 con chung, là cháu Trần Văn C, sinh ngày 18/9/2000 và cháu Trần Đức L, sinh ngày 21/9/2008. Bà U xin được nuôi 02 con, yêu cầu này cũng được ông T đồng ý và cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 con muốn ở với bà U khi Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Nên yêu cầu xin nuôi 02 con của bà U là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng: Cháu Trần Văn Ccòn 02 tháng là đủ 18 tháng tuổi, cháu khỏe mạnh bình thường và có khả năng lao động và hiện nay cháu đang làm nghề thạch cao nhưng không làm thường xuyên nên bà U không yêu cầu ông T cấp dưỡng đối với cháu C, đối với cháu Trần Đức L bà U yêu cầu ông T cấp dưỡng 1.500.000 đ/ tháng đến khi cháu thành niên. Xét thấy yêu cầu này được ông T chấp nhận, mặt khác mức cấp dưỡng trên cũng đảm bảo được mức sống và học tập của cháu L nên có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Khi khởi kiện xin ly hôn ông T có yêu cầu Tòa chia tài sản chung, nhưng trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử ông Tr đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận nên Tòa án đã ra Quyết định Đình chỉ giải quyết phần chia tài sản chung.

[7] Về án phí: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T

- Về hôn nhân: Ông Trần Văn T được ly hôn với bà Đinh Thị U.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Văn C, sinh ngày 18/9/2000 và cháu Trần Đức L, sinh ngày 21/9/2008 cho bà Đinh Thị U trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu C và cháu L đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng: Ông Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Đức, sinh ngày 21/9/2008 số tiền là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2018 cho đến khi cháu L, thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự. Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Tổng cộng ông Trần Văn T phải chịu án phí là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng). Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0003242 ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vậy ông Trần Văn T còn phải nộp tiền án phí số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Tây. GCNKH số:10, ngày 24/7/1999;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Pleiku, ngày 28 tháng 10 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Xuân Hồng**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Lê Na** và ông **Ngô Xuân Dệt**

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vào hồi 08 giờ 40 phút, ngày 28/10/2016, tại phòng nghị án, hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị Tường Nhi với bị đơn là anh Trần Quang Vinh.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của những người thạm gia tố tụng; Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung vụ án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tường Nhi.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Tường Nhi được ly hôn với anh Trần Quang Vinh.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Bảo Nam, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Phạm Thị Tường Nhi được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về án phí và các nội dung khác:

- Về án phí: Chị Phạm Thị Tường Nhi phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002818 ngày 29/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; chị Nhi đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm; đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**